

Luật số: /2022/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo lần 5

LUẬT
CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Cảnh sát cơ động.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát cơ động; điều kiện bảo đảm và chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Biện pháp vũ trang* là một biện pháp của lực lượng Công an nhân dân, sử dụng sức mạnh thể chất và sức mạnh của vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. *Sử dụng biện pháp vũ trang của Cảnh sát cơ động* là việc sử dụng sức mạnh thể chất và sức mạnh của vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để chống hành vi đang phá rối an ninh, khủng bố, giải cứu con tin, giải tán các vụ gây rối an ninh, trật tự, biểu tình, bạo loạn, tuân tra kiểm soát, canh gác bảo vệ, trấn áp đối tượng có hành vi phạm tội nguy hiểm sử dụng bạo lực nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

3. *Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động* bao gồm: Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Cảnh sát cơ động thuộc Công an nhân dân.

Điều 3. Vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động

Cảnh sát cơ động là lực lượng vũ trang nhân dân, thuộc Công an nhân dân Việt Nam, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động

1. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Dựa vào Nhân dân, phát huy sức mạnh của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Kết hợp chặt chẽ biện pháp vũ trang với các biện pháp công tác khác của lực lượng Công an nhân dân trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Bảo đảm sự chỉ huy, chỉ đạo tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Điều 5. Xây dựng Cảnh sát cơ động

1. Nhà nước xây dựng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ưu tiên nguồn lực phát triển Cảnh sát cơ động.

2. Cơ quan, tổ chức và công dân Việt Nam có trách nhiệm tham gia xây dựng Cảnh sát cơ động trong sạch, vững mạnh.

Điều 6. Ngày truyền thống của Cảnh sát cơ động

Ngày 15 tháng 4 hằng năm là Ngày truyền thống của Cảnh sát cơ động.

Điều 7. Hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động

1. Hoạt động hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động Việt Nam thực hiện theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung hợp tác quốc tế

a) Trao đổi thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động;

b) Phối hợp phòng, chống tội phạm khủng bố, bắt cóc con tin, chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia và các hành vi vi phạm pháp luật khác; phối hợp tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ;

c) Đào tạo, huấn luyện, diễn tập, trao đổi kinh nghiệm;

d) Hỗ trợ, chuyên giao trang bị, phương tiện, khoa học và công nghệ tăng cường năng lực của Cảnh sát cơ động;

đ) Thực hiện các nội dung hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chống đối, cản trở hoạt động của Cảnh sát cơ động; trả thù, đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động, người phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động trong thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ.

2. Chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng, tàng trữ, sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động.

3. Mua chuộc, hối lộ hoặc có hành vi ép buộc cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động làm trái với chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn.

4. Giả danh cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động, giả mạo phương tiện của Cảnh sát cơ động, làm giả, mua bán, sử dụng trái phép trang phục, phù hiệu, con dấu, Giấy chứng nhận công tác đặc biệt của Cảnh sát cơ động.

5. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động lạm dụng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác để vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thi hành nhiệm vụ.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Điều 9. Nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động

1. Tham mưu với Bộ trưởng Bộ Công an về biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng Cảnh sát cơ động.

2. Sử dụng biện pháp vũ trang để thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chống hành vi đang phá rối an ninh, bạo loạn, khủng bố, bắt cóc con tin;

b) Trấn áp đối tượng có hành vi phạm tội nguy hiểm sử dụng bạo lực;

c) Giải tán các vụ tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự, biểu tình trái pháp luật;

d) Bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội; bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt;

đ) Tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Huấn luyện, bồi dưỡng điều lệnh, quân sự, võ thuật, kỹ thuật, chiến thuật đối với Cảnh sát cơ động và cán bộ, chiến sĩ, học viên trong Công an nhân dân và huấn luyện công tác phòng, chống khủng bố cho lực lượng chuyên trách và lực lượng bảo vệ thuộc các bộ, ngành, địa phương.

4. Quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

5. Thực hiện nghi lễ trong Công an nhân dân và các sự kiện quan trọng theo quy định.

6. Phối hợp với các lực lượng trong Công an nhân dân và các lực lượng, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ có tính chất phức tạp phải sử dụng biện pháp vũ trang mà các lực lượng khác không thực hiện được trong đấu tranh phòng, chống tội phạm bảo đảm an ninh, trật tự; phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc các bộ, ngành, địa phương trong bảo đảm an ninh, trật tự và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền hạn của Cảnh sát cơ động

1. Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định tại Điều 16 của Luật này.

2. Được mang theo người vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ vào cảng hàng không và lên tàu bay dân sự trong trường hợp:

a) Chống khủng bố, giải cứu con tin, trấn áp đối tượng có hành vi phạm tội nguy hiểm có sử dụng vũ khí;

b) Bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt, áp giải bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng;

c) Sử dụng tàu bay riêng do cấp có thẩm quyền huy động để kịp thời cơ động giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự.

3. Ngăn chặn, vô hiệu hóa phương tiện bay không người lái và các phương tiện khác trực tiếp tấn công, xâm phạm hoặc đe dọa tấn công, xâm phạm mục tiêu bảo vệ của Cảnh sát cơ động.

4. Xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Huy động người, phương tiện, thiết bị của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam trong trường hợp cấp bách theo quy định tại Điều 17 của Luật này và pháp luật có liên quan.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp sơ đồ, thiết kế công trình và được vào nơi ở của cá nhân, trụ sở cơ quan, tổ chức để giải cứu con tin, trấn áp hành vi khủng bố và tội phạm. Việc vào trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và chỗ ở của thành viên các cơ quan này tại Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7. Các quyền hạn khác theo quy định của Luật Công an nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Xây dựng và thực hiện phương án của Cảnh sát cơ động

1. Khảo sát, xây dựng, huấn luyện phương án tác chiến; phương án vũ trang tuần tra, kiểm soát; phương án vũ trang bảo vệ mục tiêu.

2. Thực hiện phương án tác chiến chống hoạt động phá rối an ninh, bạo loạn, khủng bố, bắt cóc con tin, trấn áp đối tượng có hành vi phạm tội nguy hiểm sử dụng bạo lực, giải tán các vụ tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự, biểu tình trái pháp luật; phương án vũ trang tuần tra, kiểm soát, bảo vệ mục tiêu, sự kiện quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội, bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình xây dựng và thực hiện phương án của Cảnh sát cơ động.

Điều 12. Biện pháp công tác của Cảnh sát cơ động

1. Cảnh sát cơ động thực hiện các biện pháp vũ trang, vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ theo quy định của Luật Công an nhân dân và pháp luật có liên quan để thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 9 của Luật này.

2. Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc áp dụng các biện pháp công tác theo quy định tại khoản 1 Điều này, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về quyết định của mình.

Điều 13.

Phương án 1: Hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động

1. Hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động bao gồm:

- a) Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động;
- b) Cảnh sát cơ động Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Phương án 2: Hệ thống tổ chức và cơ cấu lực lượng của Cảnh sát cơ động

1. Hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động bao gồm:

- a) Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động;
- b) Cảnh sát cơ động Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cơ cấu lực lượng của Cảnh sát cơ động gồm:

- a) Lực lượng đặc nhiệm;
- b) Lực lượng tác chiến đặc biệt;
- c) Lực lượng bảo vệ mục tiêu;
- d) Lực lượng sử dụng tàu bay, tàu thủy;
- đ) Lực lượng huấn luyện, sử dụng động vật nghiệp vụ;
- e) Lực lượng Cảnh sát cơ động dự bị chiến đấu.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 14. Nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động

1. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, Đảng và Nhà nước; nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.

2. Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, kính trọng, lễ phép, tận tụy phục vụ Nhân dân.

3. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

4. Cảnh giác, giữ bí mật nhà nước, bí mật công tác, thực hiện nghiêm biện pháp công tác của lực lượng Công an nhân dân.

5. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức tổ chức kỷ luật, rèn luyện thể lực, kỹ thuật, chiến thuật và sử dụng thành thạo trang bị của Cảnh sát cơ động.

6. Tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về quyết định, hành vi của mình khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 15. Trách nhiệm của Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động quy định tại Điều 9, Điều 10 của Luật này, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an về hoạt động của Cảnh sát cơ động.

2. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng Cảnh sát cơ động thuộc quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 9, Điều 10 của Luật này, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 16. Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

1. Khi thực hiện nhiệm vụ độc lập, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và được nổ súng quân dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Cảnh sát cơ động phải tuân theo mệnh lệnh của người chỉ huy trực tiếp theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Người ra mệnh lệnh phải tuân thủ quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khi thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động thực hiện theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong huấn luyện, diễn tập thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Huy động người, phương tiện, thiết bị

1. Trong trường hợp cấp bách để thực hiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật này, Cảnh sát cơ động được huy động người, phương tiện, thiết bị và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện, thiết bị đó, trừ trường hợp phương tiện, thiết bị thuộc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Việc huy động người, phương tiện, thiết bị trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố.

3. Thẩm quyền huy động người, phương tiện, thiết bị của Cảnh sát cơ động trong trường hợp cấp bách

a) Khi thực hiện nhiệm vụ độc lập, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được huy động người, phương tiện, thiết bị của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, thẩm quyền huy động người, phương tiện, thiết bị do người chỉ huy trực tiếp của Cảnh sát cơ động tại hiện trường quyết định.

4. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động huy động người, phương tiện, thiết bị có trách nhiệm hoàn trả phương tiện, thiết bị ngay sau khi trường hợp cấp bách chấm dứt. Trường hợp người, phương tiện, thiết bị được huy động làm nhiệm vụ mà bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách, đền bù theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật này; đơn vị có cán bộ, chiến sĩ huy động có trách nhiệm giải quyết việc đền bù theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có trách nhiệm thực hiện việc huy động của Cảnh sát cơ động.

Điều 18. Điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ

1. Bộ trưởng Bộ Công an điều động Cảnh sát cơ động trong phạm vi toàn quốc.

2. Tư lệnh Cảnh sát cơ động điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Các đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án thuộc thẩm quyền phê duyệt;

b) Các đơn vị Cảnh sát cơ động theo phương án đã được cấp trên phê duyệt, được ủy quyền phê duyệt hoặc khi được giao chủ trì chỉ huy giải quyết các tình huống cụ thể;

c) Các đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền để thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cấp bách và phải kịp thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều động đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án đã được cấp trên phê duyệt hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cấp bách và phải kịp thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an.

4. Chỉ huy đơn vị Cảnh sát cơ động điều động, sử dụng lực lượng thuộc quyền để thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; điều động lực lượng thuộc quyền tham gia phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ và phải kịp thời báo cáo chỉ huy cấp trên trực tiếp.

5. Việc điều động Cảnh sát cơ động trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật, giới nghiêm được thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 19. Phối hợp giữa Cảnh sát cơ động với cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Việc phối hợp phải trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với tình hình thực tế;

b) Bảo đảm sự chủ trì, điều hành tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, chỉ huy thực hiện nhiệm vụ; giữ bí mật thông tin về quốc phòng, an ninh và biện pháp nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng trong quá trình phối hợp;

c) Bảo đảm chủ động, linh hoạt, cụ thể và hiệu quả, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ trì, phối hợp.

2. Nội dung phối hợp

a) Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật;

b) Giải quyết các vụ việc tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự, bạo loạn, khủng bố, bắt cóc con tin;

c) Tuân tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ mục tiêu, sự kiện quan trọng, bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt;

d) Phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ;

- đ) Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng;
- e) Trao đổi thông tin, tài liệu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;
- g) Thực hiện các hoạt động phối hợp khác có liên quan.

3. Cơ chế chỉ huy Cảnh sát cơ động trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ

a) Khi giải quyết những vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự do cấp ủy, chính quyền địa phương chủ trì có sự tăng cường lực lượng của Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai các biện pháp để giải quyết vụ việc và trực tiếp chỉ huy Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ theo phương án tác chiến đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khi giải quyết những vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự do Bộ Công an chủ trì, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm tham mưu với lãnh đạo Bộ Công an triển khai các biện pháp giải quyết vụ việc và trực tiếp chỉ huy Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ theo phương án tác chiến đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Khi giải quyết những vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự do Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động được giao chủ trì, các lực lượng tham gia phối hợp chịu sự chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động theo phương án tác chiến đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chính phủ quy định cụ thể việc phối hợp giữa Cảnh sát cơ động với các cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động.

5. Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc phối hợp của Cảnh sát cơ động với các lực lượng thuộc Bộ Công an.

Chương III

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Điều 20. Kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho Cảnh sát cơ động

Nhà nước bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở công trình cho hoạt động của Cảnh sát cơ động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trang bị của Cảnh sát cơ động

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư trang bị hiện đại, nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ cho các hoạt động của Cảnh sát cơ động.

2. Cảnh sát cơ động được trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tàu bay, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Trang phục, công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân, giấy chứng nhận công tác đặc biệt của Cảnh sát cơ động

1. Cảnh sát cơ động sử dụng trang phục, công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân theo quy định của Luật Công an nhân dân.

2. Cảnh sát cơ động có phù hiệu, giấy chứng nhận công tác đặc biệt và trang phục huấn luyện, chiến đấu riêng.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 23. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động

1. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

2. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động khi phục vụ tại ngũ được hưởng các chính sách ưu đãi và chế độ đặc thù phù hợp với tính chất nhiệm vụ và địa bàn hoạt động.

3. Sĩ quan Cảnh sát cơ động công tác ổn định lâu dài được bố trí nhà ở công vụ.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 24. Tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động

1. Công dân Việt Nam không phân biệt nam, nữ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, độ tuổi phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tự nguyện phục vụ trong Cảnh sát cơ động.

2. Cảnh sát cơ động được ưu tiên tuyển chọn công dân có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc có năng khiếu, tài năng phù hợp để bổ sung vào Cảnh sát cơ động.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 25. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động

1. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ; huấn luyện quân sự, võ thuật và kiến thức cần thiết khác phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao; khuyến khích phát triển tài năng để phục vụ lâu dài trong Cảnh sát cơ động.

2. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được bố trí sử dụng phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, hoạt động và quy mô cơ cấu quân số của từng đơn vị, lực lượng.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Điều 26. Nội dung quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, pháp luật về Cảnh sát cơ động.
2. Tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Cảnh sát cơ động.
3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động.
4. Thực hiện chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động.
5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động của Cảnh sát cơ động.
6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.
7. Hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động.

Điều 27. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.
2. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.
3. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.

Điều 28. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an quy hoạch quỹ đất phù hợp để Cảnh sát cơ động xây dựng trụ sở đóng quân, thao trường huấn luyện; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Cảnh sát cơ động; thực hiện chính sách về nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về Cảnh sát cơ động; giám sát, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ.

Điều 30. Trách nhiệm và chế độ chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động

1. Cung cấp kịp thời cho người có thẩm quyền thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác của Cảnh sát cơ động.

2. Chấp hành quyết định, yêu cầu của Cảnh sát cơ động theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 10 của Luật này.

3. Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và giữ bí mật thông tin khi có yêu cầu.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù, bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân, gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20... .

Pháp lệnh Cảnh sát cơ động số 08/2013/PL-UBTVQH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ.....thông qua ngày tháng ... năm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Ghi chú: Đính kèm báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với dự án Luật Cảnh sát cơ động (phía dưới)

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 369/BC-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO**Tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
đối với dự án Luật Cảnh sát cơ động**

Kính gửi: Quốc hội

Ngày 28/9/2021, Tổng Thư ký Quốc hội có Thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về dự án Luật Cảnh sát cơ động (dự án Luật). UBTVQH đánh giá cao hồ sơ dự án Luật được Chính phủ chuẩn bị công phu, đúng tiến độ, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tán thành sự cần thiết và nội dung cơ bản của dự án Luật. Dự án Luật đủ điều kiện trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp thứ 2. Bên cạnh đó, UBTVQH đã cho ý kiến đối với một số nội dung cụ thể của dự thảo Luật, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an - Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Ủy ban Quốc phòng và An ninh, Ủy ban Pháp luật, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật. Chính phủ xin báo cáo Quốc hội cụ thể như sau:

1. Các vấn đề tiếp thu, chỉnh lý

1.1. Tiếp thu, chỉnh lý Tờ trình của Chính phủ về dự án Luật Cảnh sát cơ động, trong đó bổ sung làm rõ hơn tính đặc thù, đặc biệt, tinh nhuệ của Cảnh sát cơ động so với các lực lượng khác trong Công an nhân dân. Rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật theo nguyên tắc hạn chế quy định lại các nội dung đã được các luật khác quy định.

1.2. Chỉnh lý, bổ sung làm rõ hơn khái niệm “*Biện pháp vũ trang*”, “*Sử dụng biện pháp vũ trang*” tại Điều 2 của dự thảo Luật bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan, phù hợp với nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động, bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

1.3. Về vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động (Điều 3): Chỉnh lý, làm rõ hơn vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động là lực lượng thuộc Công an nhân dân, lực lượng đặc biệt, làm nòng cốt sử dụng biện pháp vũ trang là chủ yếu và chỉ sử

dụng khi các lực lượng, biện pháp khác trong Công an nhân dân không đáp ứng được.

1.4. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động (Điều 9, Điều 10): Xác định rõ những nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động phù hợp với vị trí, chức năng; trong đó quy định rõ nhiệm vụ chủ trì, nhiệm vụ phối hợp của Cảnh sát cơ động, bảo đảm yêu cầu tác chiến, tính cơ động nhanh, tránh chòng chẹo, mâu thuẫn, xung đột trong thực hiện nhiệm vụ với các lực lượng khác.

1.5. Về điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ (Điều 18): Chính lý làm rõ hơn quy định về thẩm quyền của Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, phù hợp với nguyên tắc sử dụng lực lượng vũ trang nhân dân.

1.6. Về trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (Điều 28): Chính lý bảo đảm quy định đúng phạm vi, quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

1.7. Chính lý về kỹ thuật lập pháp tại một số điều, khoản của dự thảo Luật đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, nghiên cứu tiếp thu các nội dung giao Chính phủ, Bộ Công an quy định tại dự thảo Luật đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ và Bộ Công an.

2. Các nội dung giải trình

2.1. Về ý kiến đề nghị quy định rõ trường hợp sử dụng Cảnh sát cơ động; quy định cụ thể phạm vi hoạt động của Cảnh sát cơ động và phạm vi liên quan đến hoạt động của lực lượng khác để xác định nhiệm vụ chủ trì, phối hợp bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành và pháp luật quốc tế có liên quan.

Đối với vấn đề này, Chính phủ xin báo cáo như sau: Cảnh sát cơ động là một lực lượng thuộc Công an nhân dân, nên phạm vi hoạt động và trường hợp sử dụng Cảnh sát cơ động được thực hiện theo quy định của Luật Công an nhân dân năm 2018.

Trên thực tế, Cảnh sát cơ động căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và điều kiện của cấp có thẩm quyền để triển khai lực lượng, biện pháp kịp thời xử lý những vụ việc, tình huống phức tạp về an ninh, trật tự có thể xảy ra ở bất kỳ địa bàn nào trong phạm vi toàn quốc. Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ giải

quyết các vụ việc liên quan đến an ninh quốc gia (như giải quyết các vụ việc tập trung đông người, gây rối an ninh, trật tự, biểu tình, bạo loạn...), hay đấu tranh triệt phá các tụ điểm, các băng ổ nhóm tội phạm để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội của Cảnh sát cơ động không chỉ xảy ra ở các tỉnh, thành phố lớn, trọng điểm, mà còn xảy ra ở các tỉnh khu vực miền núi, biên giới (như Mường Nhé, Điện Biên, Mường Tè, Lai Châu, Lóng Luông, Vân Hồ, Sơn La ở khu vực Tây Bắc và các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk khu vực Tây Nguyên). Đặc biệt có những vụ việc xảy ra và lan rộng trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố (như vụ việc giàn khoan HD 981 năm 2014, ô nhiễm môi trường biển năm 2016).

Do vậy, để đảm bảo tính linh hoạt, chủ động trong việc điều động, sử dụng Cảnh sát cơ động giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, Chính phủ đề nghị dự thảo Luật không quy định về phạm vi hoạt động và trường hợp sử dụng Cảnh sát cơ động.

2.2. Về ý kiến đề nghị cần xác định rõ mô hình tổ chức, các bộ phận cấu thành lực lượng này để thấy rõ được tính đặc thù của Cảnh sát cơ động chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới (Điều 13 của dự thảo Luật).

Đối với vấn đề này, Chính phủ đề xuất 02 phương án trình Quốc hội cho ý kiến, cụ thể như sau:

- **Phương án 1:** Giữ nguyên quy định về hệ thống tổ chức như dự thảo Chính phủ trình, trong đó chỉ quy định mang tính nguyên tắc về hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động gồm Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Cảnh sát cơ động Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định hệ thống tổ chức cụ thể của Cảnh sát cơ động thống nhất với quy định của Luật Công an nhân dân năm 2018.

- **Phương án 2:** Bổ sung quy định về cơ cấu các lực lượng thuộc Cảnh sát cơ động bao gồm 06 lực lượng. Trong đó, 04 lực lượng (*lực lượng tác chiến đặc biệt, lực lượng đặc nhiệm, lực lượng bảo vệ mục tiêu, lực lượng huấn luyện, sử dụng động vật nghiệp vụ*) được kế thừa quy định tại Điều 8 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động năm 2013; bổ sung 02 lực lượng (*lực lượng sử dụng tàu bay, tàu thủy và lực lượng Cảnh sát cơ động dự bị chiến đấu*) do trên thực tế các lực lượng này đã được thành lập theo chủ trương của Bộ Chính trị và các Đề án, dự án của Chính phủ và Bộ Công an nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới. Việc quy định cơ cấu lực lượng trong dự thảo Luật nhằm xác định

các bộ phận cấu thành để thấy rõ tính đặc thù của Cảnh sát cơ động làm cơ sở xây dựng các lực lượng theo hướng chuyên sâu, tinh nhuệ, hiện đại; không làm phát sinh lực lượng, tổ chức và biên chế mới. Đồng thời giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định hệ thống tổ chức cụ thể của Cảnh sát cơ động thống nhất với quy định của Luật Công an nhân dân năm 2018.

2.3. Về ý kiến đề nghị quy định cụ thể đối với việc sử dụng phương tiện phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế; loại phương tiện nào chưa được trang bị thì có cơ chế huy động sử dụng chung với các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

Đối với vấn đề này, Chính phủ xin báo cáo như sau: Tại khoản 3, khoản 4 Điều 16 của dự thảo Luật đã quy định cụ thể việc sử dụng phương tiện của Cảnh sát cơ động. Theo đó, việc sử dụng phương tiện của Cảnh sát cơ động khi thực hiện nhiệm vụ theo phương án; khi huấn luyện, diễn tập thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo tính chặt chẽ, phù hợp với từng nhiệm vụ cụ thể của Cảnh sát cơ động.

Về cơ chế huy động sử dụng chung các loại phương tiện của các lực lượng khác trong Công an nhân dân mà Cảnh sát cơ động chưa được trang bị sẽ thực hiện theo quy định về phối hợp giữa Cảnh sát cơ động với các lực lượng trong Công an nhân dân, theo đó tại khoản 5, Điều 19 dự thảo Luật giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định vấn đề này.

2.4. Về ý kiến đề nghị bổ sung đánh giá tác động đối với chính sách và một số quy định của dự thảo Luật, nhất là các chính sách về biên chế, kinh phí đảm bảo.

Đối với vấn đề này, Chính phủ xin báo cáo như sau: Quá trình lập đề nghị xây dựng dự án Luật, Bộ Công an đã tiến hành đánh giá tác động đối với 04 chính sách của dự án Luật, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với các chính sách về biên chế, kinh phí đảm bảo được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 phê duyệt Đề án hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát cơ động đến năm 2025, tầm nhìn 2030, trong đó Chính phủ đã xác định lộ trình, giải pháp đối với vấn đề này tại Đề án.

3. Kết cấu và nội dung chính của dự án Luật sau khi chỉnh lý

Tiếp thu ý kiến của UBTWQH, Chính phủ đã chỉ đạo lược bỏ quy định về đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1, gộp Điều 7 với Điều 31 chỉnh lý thành

Điều 30 của dự thảo Luật quy định về trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động; chỉnh lý về kỹ thuật lập pháp tại một số điều, khoản của dự thảo Luật đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi tiếp thu, chỉnh lý, dự thảo Luật hiện nay gồm 5 chương và 31 Điều.

Về cơ bản các nội dung chỉnh sửa không làm thay đổi mục đích, quan điểm, chính sách của dự án Luật Cảnh sát cơ động. Sau khi các vị đại biểu cho ý kiến đối với dự án Luật Cảnh sát cơ động tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2021), Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Công an - Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với UBQPAN, các cơ quan có liên quan của Quốc hội tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật, trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 3 (tháng 5/2022).

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Cảnh sát cơ động./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Ủy ban của QH: QP-AN, PL;
- Các Bộ: Công an, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN,
các Vụ: NC, TCCV;
- Lưu: VT, PL(2).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

(Đã ký)

Đại tướng Tô Lâm